TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-11-2019.
"*V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Bỉ.

2. Ông Phạm Văn Dự.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 21/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 6 năm 2019 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 05/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị N,** sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số xx, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Có mặt.

2. Bị đơn: **Ông Võ Văn L**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Địa chỉ: Số xx, ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và cũng như những lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N như sau:

Do có quen biết và được sự đồng ý của gia đình hai bên nên năm 1995 bà và ông Võ Văn L sống chung, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Sau khi sống chung, bà và ông L sống tại ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L. Bà và ông L

sống chung một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, ông L nhậu nhẹt và thường xuyên kiếm chuyện vô cớ nên thường xuyên cải vả.

Nay xét thấy tình cảm giữa bà và ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa bà và ông Võ Văn L là vợ chồng.

Bà và ông L 02 con chung tên Võ Hoàng D, sinh ngày 10/02/1998 đã trưởng thành và Võ Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 22/11/2007. Sau khi ly hôn bà yêu cầu nuôi con chung Võ Nguyễn Thị Ngọc T sinh ngày 22/11/2007, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn ông Võ Văn L trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các thông báo về phiên hòa giải và phiên tòa xét xử nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do. Do ông L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Võ Văn L. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông Võ Văn L vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn L sống chung nhau như vợ chồng từ năm 1995 và có 02 người con chung nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa bà N và

ông L là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật công nhận. Do bà N và ông L chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn L.

[4] Về nuôi con chung: Bà N và ông L có 02 con chung tên Võ Hoàng D, sinh ngày 10/02/1998 và Võ Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 22/11/2007. Đối với con chung Võ Hoàng D, sinh ngày 10/02/1998 đã thành niên và bà N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà N yêu cầu nuôi con chung Võ Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 22/11/2007. Tại bản tự khai Võ Nguyễn Thị Ngọc T có nguyện vọng sống chung với bà N nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Võ Nguyễn Thị Ngọc T cho bà N được trực tiếp nuôi. Do bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

[7] Án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 271; 273, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị N và ông Võ Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 22/11/2007 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006901 ngày 18/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà N đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
-Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa